TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/KDTM - PT
Ngày: 09/4/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng mượn tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Bình

Ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Lừng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 117/2018/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2019/QĐ - PT ngày 20 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68 ngày 28/3/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty A;

Trụ sở: Lô C - 02 - 1 Khu công nghiệp M, Ấp N, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

Đại diện theo pháp luật: ông S – Chủ tịch Hội đồng thành viên; Bà La Mỹ P – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ N1, sinh năm 1973, chức vụ: Trưởng phòng nhân sự miền Bắc (Theo văn bản ủy quyền số: 01/0419/GUQ-TGĐ/VN ngày 01/4/2019). (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Đặng Thế M1;

Địa chỉ: Phố L, thị trấn V, huyện U, thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người kháng cáo: Ông Đặng Thế M1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai –Ông Vũ N1 và bà Vũ Thị Đ (Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) đều trình bày :

Công ty A là Công ty TNHH hai thành viên trở lên (gọi tắt là Công ty) là công ty bán và phân phối sản phẩm sơn tường. Ngày 02/01/2016, Công ty có ký hợp đồng mua bán sơn số B53/2016/CNMB với ông Đặng Thế M1, theo đó, ông M1 mua các sản phẩm SonBoss của Công ty để bán (ông M1 là đại lý cấp 1 cho Công ty). Ông M1 đã đề nghị Công ty lắp đặt cho cửa hàng ông mượn một hệ thống máy pha màu sơn tự động để kinh doanh sản phẩm sơn nhãn hiệu BOSS trong một thời gian hữu hạn và đồng ý tuân thủ các điều kiện mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán và hợp đồng lắp đặt hệ thống máy pha màu tự động.

Ngày 02/01/2016, Công ty có ký hợp đồng số 1330/2016/BB BLON với ông Đặng Thế M1 và phụ lục số 1330 cùng ngày có nội dung Công ty cho ông M1 mượn hệ thống máy pha màu tự động. Sau đó, Công ty đã tiến hành lắp đặt và bàn giao máy (Có biên bản bàn giao, nghiệm thu), hệ thống gồm các máy: Máy pha màu Model MT 300, số serial 00192C; Máy trộn sơn Model HS-3B, số serial 1103185; Máy in nhãn SMART; phần mềm màu tự động + công thức có tổng trị giá 209.772.000 đồng, đều đã qua sử dụng. Theo hợp đồng, thời hạn cho mượn là một năm kể từ ngày ký cùng các nội dung khác được quy định trong bản hợp đồng, hết hạn thì hai bên sẽ thỏa thuận ra hạn bằng phụ lục hợp đồng; số tiền ông M1 đặt cọc cho việc mượn máy là 10.000.000đ. Nay ông M1 không còn nhập sơn của công ty nữa, thời hạn cho mượn máy đã hết từ ngày 31/12/2016, đại diện công ty đã nhiều lần thông báo bằng văn bản và liên hệ với ông M1, nhưng ông M1 vẫn không trả hệ thống máy pha màu sơn cho công ty, do đó Công ty khởi kiện ra Tòa buộc ông Đặng Thế M1 phải trả công ty hệ thống máy pha màu sơn tự động nêu trên.

- Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Đặng Thế M1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn ở trên là hoàn toàn đúng. Nay đã hết thời hạn mượn, hệ thống máy trên ông vẫn để ở nhà nhưng ông chưa trả công ty vì ông cho rằng : Công ty tự ý cắt hợp đồng nhập sơn của ông nên số sơn còn tồn ông đem ra Công ty đổi vẫn chưa được trả tiền; do ông bán được số lượng sơn nhiều, mà theo số lượng này thì gia đình ông được 03 xuất đi du lịch tại Singapore nhưng Công ty chỉ cho một mình ông đi nên phải trả ông trị giá tiền 02 xuất; Công ty phải trả ông số tiền 10.000.000đ tiền đặt cọc. Tổng cộng Công ty phải trả ông tổng số tiền 198.338.900 đồng thì ông sẽ trả Công ty hệ thống máy pha màu trên.

- Ngày 21/5/2018, ông Đặng Thế M1 có đơn yêu cầu phản tố, ông trình bày: Quá trình kinh doanh bán sản phẩm sơn cho Công ty, do Công ty tự ý cắt hợp đồng nên có một số hàng không bán được phải đổi (Hàng ông đã đem ra Công ty mà Công ty chưa trả hàng hay giá trị tiền) là 52.818.000 đồng; ông cho rằng gia đình ông được 03 xuất đi du lịch tại Singapore nhưng Công ty chỉ cho mình ông đi nên phải trả ông 02 xuất đi du lịch của năm 2014 có trị giá 36.000.000đồng; Công ty

phải trả ông 10.000.000đ tiền đặt cọc mượn máy; Do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng nên ông phải thanh lý số hàng tồn kho đã thua lỗ 100.000.000đồng. Nay ông yêu cầu phản tố buộc Công ty phải thanh toán trả ông tổng số tiền là 198.338.900đồng.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, đại diện cho nguyên đơn: Ông Vũ N1 và chị Vũ Thị Đ trình bày: Việc kinh doanh sơn của ông Đặng Thế M1 là do ông M1 không nhập sơn của Công ty. Yêu cầu của ông M1, Công ty chỉ chấp nhận được 02 khoản: Tiền đặt cọc 10.000.000đ; ông M1 có đem sản phẩm sơn ra Công ty để đổi (Có bảng kê chi tiết) là 48.000.000đ nhưng Công ty làm tròn nên 50.000.000đ, tổng cộng 02 khoản là 60.000.000đ. Ngoài ra, Công ty không có hứa hẹn hay chủ trương cho 03 xuất đối với cửa hàng ông M1 đi du lịch tại Singapore vào năm 2014 (thời điểm đó ông M1 đã được đi); theo hợp đồng mua bán sơn ngày 02/01/2016 thì Công ty có quyền đơn phương chấp dứt hợp đồng, vì vậy việc ông M1 bán hàng thanh lý thua lỗ như thế nào Công ty không có trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của ông M1.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện U, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Buộc ông Đặng Thế M1 phải trả Công ty A hệ thống máy pha màu sơn tự động, gồm các máy: Máy pha màu Model MT 300, số serial 00192C; máy trộn sơn Model HS-3B, số serial 1103185; máy in nhãn SMART; phần mềm màu tự động + công thức (Đặc điểm hệ thống máy trên theo hợp đồng lắp đặt, phụ lục hợp đồng và biên bản nghiệm thu, bàn giao ngày 02/01/2016 giữa Công ty A với ông Đặng Thế M1).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Đặng Thế M1. Buộc Công ty A phải thanh toán trả ông Đặng Thế M1 số tiền 60.000.000đ trong đó: Tiền đặt cọc mượn máy 10.000.000đ; tiền đổi, trả hàng là 50.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/8/2018, ông Đặng Thế M1 có đơn kháng cáo đối với một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm với lý do: Ông M1 không đồng ý về các nội dung liên quan đến số tiền 10% theo hoá đơn giá trị gia tăng bị tính thiếu vào tiền đổi hàng; 02 suất đi du lịch tại Singapore mà ông M1 không được nhận; nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không giải quyết các vấn đề còn tồn tại, gây thiệt hại cho ông 100 triệu đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xuất trình giấy ủy quyền mới theo đó ông Vũ N1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn xuất trình bản phô tô các tài liệu: Bản đăng ký tham gia chương trình anh tài hội tụ 2014; Bảng kê hàng trả thu hồi từ khách hàng; Hóa đơn giá trị gia tăng. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu mà bị đơn xuất trình tại phiên tòa, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Bản án sơ thẩm đã xét xử đúng qui định của pháp luật. Tuy nhiên, đơn phản tố của ông M1 yêu cầu Tòa án giải quyết việc nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng mua bán sơn của ông nên phải xác định 2 quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản, cấp sơ thẩm xác định Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản là thiếu. Cần sửa án sơ thẩm về quan hệ pháp luật tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Đặng Thế M1 làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn:

+ Về nội dung nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền 52.818.000 đồng giá trị hàng hoá mà bị đơn đã đổi lại (bao gồm 48.018.417 đồng giá trị hàng hoá theo bảng kê và 10% thuế giá trị gia tăng).

Hội đồng xét xử nhận thấy: việc bị đơn trình bày đã đổi lại hàng cho nguyên đơn thực chất là việc nguyên đơn mua lại hàng hoá của bị đơn chứ không phải nguyên đơn phải nhận lại số hàng này và trả lại tiền cho bị đơn do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán hàng hoá. Do đó, giá cả mua bán hàng hoá được hai bên thoả thuận. Theo các bảng kê, chứng từ có trong hồ sơ, ông M1 xác nhận đơn giá của từng loại hàng khi bán lại cho nguyên đơn, nguyên đơn cũng đã chấp nhận mức giá này. Mặt khác, tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chấp thuận trả cho bị đơn số tiền 50.000.000 đồng đối với số hàng hoá nói trên, trong khi giá trị thực tế của hàng hoá mà hai bên đã thống nhất là 48.018.417 đồng. Như vậy, việc bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải thanh toán cả 10% thuế giá trị gia tăng là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bị đơn là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

- Về nội dung nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn giá trị của 02 xuất du lịch Singapore vào năm 2014.

Xét thấy, tại cấp sơ và phúc thẩm, bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ có giá trị pháp lý nào liên quan đến việc nguyên đơn thoả thuận với bị đơn về 03 xuất du lịch Singapore như bị đơn đã trình bày. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn trình bày rằng nguyên đơn có thông báo bằng văn bản về việc tặng xuất du lịch Singapore cho các chủ đại lý, cộng tác viên bán hàng...Theo đó, bị đơn cho rằng vợ và con của bị đơn cũng trực tiếp tham gia bán hàng nên được coi là cộng tác viên và cũng được hưởng xuất du lịch theo như thông báo của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào về việc vợ và con của bị đơn được nguyên đơn công nhận là cộng tác viên. Tại phiên tòa, bị đơn xuất trình bản phô tô

Bản đăng ký tham gia chương trình anh tài hội tụ 2014. Xét thấy, bản đăng ký chỉ là nội dung mà ông M1 đăng ký 3 xuất tham gia du lịch, không phải là văn bản hứa hẹn của Công ty đối với ông M1 là được 3 xuất du lịch Singapore. Về phía nguyên đơn cũng khẳng định vợ và con của bị đơn không phải cộng tác viên, bên cạnh đó, theo chương trình du lịch này, bị đơn cũng đã được 01 xuất đi du lịch Singapore do đáp ứng về doanh số bán hàng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn.

- Về nội dung nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không giải quyết các vấn đề tồn tại dẫn đến thiệt hại 100.000.000 đồng cho bị đơn.

Xét thấy, theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, việc mua bán hàng hoá giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện trên cơ sở Hợp đồng mua bán số B53/2016/CNMB ngày 02/01/2016. Hợp đồng này được hai bên tự nguyện giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành giữa các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Mặt khác, tại Điều 4 của Hợp đồng này có quy định rõ bên A – nguyên đơn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà bên B – bị đơn không có quyền khiếu nại bên A vì bất cứ lý do gì. Do đó, việc bị đơn cho rằng nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng gây thiệt hại cho bị đơn là không có căn cứ và trái với thoả thuận của các bên trong hợp đồng. Mặt khác, ông M1 cho rằng việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng gây thiệt hại cho ông hơn 100.000.000đ nhưng ông không đưa ra được căn cứ chứng minh thiệt hại nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này.

Tại hợp đồng lắp đặt hệ thống máy pha màu tự động số 1330 ngày 2/1/2016 giữa Công ty và ông M1 có nội dung thể hiện: Công ty được quyền thu hồi và ông M1 phải giao trả lại hệ thống máy pha màu cho Công ty khi hết hạn hợp đồng lắp đặt hệ thống máy pha màu hoặc hợp đồng mua bán; khi bên A có yêu cầu thu hồi máy bằng văn bản gửi cho bên B nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển thị trường của bên A; sau 3 tháng bên B không mua sơn gốc trắng của Công ty… thực tế từ giữa năm 2016 ông M1 không kinh doanh sản phẩm sơn của Công ty nữa. Căn cứ hợp đồng 2 bên ký kết, Công ty cũng đã có văn bản thông báo cho ông M1 yêu cầu trả lại hệ thống máy pha màu, ông M1 có ý kiến ghi vào văn bản thông báo là cho ông mượn đến tháng 11/2016 sẽ trả máy nhưng đến hạn ông M1 không trả, ngay cả khi hợp đồng mua bán sơn và hợp đồng lắp đặt máy pha sơn đã hết hạn. Như vậy, Công ty đã thực hiện đúng những thỏa thuận trong hợp đồng, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy Toà án cấp sơ thẩm còn có một số sai sót như sau:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: yêu cầu phản tố của bị đơn có nội dung đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng với bị đơn là không đúng qui định pháp luật. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ yêu cầu của bị đơn xem xét đối với hợp đồng mua bán sơn hay hợp đồng lắp đặt hệ thống máy pha màu tự động mà chỉ xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản là chưa chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn khẳng định yêu cầu phản tố của bị đơn có đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét về việc nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng mua bán sơn với bị đơn là không phù hợp với qui định của pháp luật.

Vì vậy, cần xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản.

- Cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị Sơn – vợ ông Đặng Thế M1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là không đúng. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 03M8000277 thì hộ kinh doanh Đặng Thế M1 do ông Đặng Thế M1 là đại diện. Trong các hợp đồng ký kết với nguyên đơn, chỉ có ông M1 tham gia ký kết chứ không có sự tham gia của bà Son.

Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[4].Về án phí: Cấp sơ thẩm tính án phí của ông M1 chưa chính xác nên cần sửa án sơ thẩm về nội dung này.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của mình được Tòa án chấp nhận nhưng phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận và án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/KDTM-ST ngày 20/8/2018 của Toà án nhân dân huyện U về quan hệ pháp luật tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản. Cụ thể:

Áp dụng các Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 38, các Điều 147, 148; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 401, 403, 430,431, 494, 495, 496, 499 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Thế M1.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Buộc ông Đặng Thế M1 phải trả Công ty A hệ thống máy pha màu sơn tự động, gồm các máy : Máy pha màu Model MT 300, số serial 00192C; máy trộn sơn Model HS-3B, số serial 1103185; máy in nhãn SMART; phần mềm màu tự động + công thức (Đặc điểm hệ thống máy trên theo hợp đồng lắp đặt, phụ lục hợp đồng và biên bản nghiệm thu, bàn giao ngày 02/01/2016 giữa Công ty A với ông Đặng Thế M1).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Đặng Thế M1. Buộc Công ty A phải thanh toán trả ông Đặng Thế M1 tổng số tiền 60.000.000đ, trong đó : Tiền đặt cọc mượn máy 10.000.000đ; tiền đổi, trả hàng là 50.000.000đ.

4. Về án phí: Ông Đặng Thế M1 phải chịu 6.916.945 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.0000 đồng án phí kinh doanh phúc thẩm, được đối trừ số tiền 5.000.000đồng tạm ứng án phí do có yêu cầu phản tố, đã nộp theo biên lai số 0008642 ngày 22/5/2018 và số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã

nộp theo biên lai số 8771 ngày 30/8/2018, biên lai số 8812 ngày 09/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, ông M1 còn phải nộp tiếp là 1.916.945đ.

Công ty A phải chịu 3.000.000đ đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, đối trừ với số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008628 ngày 11/5/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện U, hoàn trả Công ty 2.000.000đ đồng.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 09/4/2019.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS ND TP Hà Nội;*
- *TAND huyện U;*
- *Chi Cục THADS huyện U;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ THANH THUỶ